

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2020/HNGĐ-PT
Ngày 17-02-2020
V/v yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Sinh

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hà Nam.

Bà Đỗ Thị Thúy Năng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thùy Trang— Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Hồng Thắng— Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 45/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2020/QĐXXPT-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị Thành N.** Sinh năm 1976, Địa chỉ: K98/9 đường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

Bị đơn: Ông **Trần Tích T.** Sinh năm 1974; Địa chỉ: K28/11 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin khởi kiện và trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu nguyên đơn bà Đoàn Thị Thành N trình bày:

Bà và ông Trần Tích T kết hôn vào năm 2005 có một con chung tên là Trần Kiến Bảo C, sinh ngày 08/4/2007. Hiện vợ chồng bà đang trong tình trạng bất hòa, bà và con đang ở tại nhà cha mẹ ruột của bà. Bà và ông T đã không sống chung với nhau

từ năm 2014 đến nay, chưa ly hôn. Ông T luôn đến cơ quan bà quậy phá buộc bà phải xin tạm nghỉ việc để giải quyết việc gia đình. Hiện tại, bà chưa đi làm, vì thế con bà cần có sự cấp dưỡng của cha là ông Trần Tích T.

Bà và ông T có một con chung tên là Trần Kiến Bảo C, sinh ngày 08/4/2007, mỗi tháng phải chi phí cho con số tiền tổng cộng là 6.500.000đ, bao gồm:

- | | |
|-------------------------------------|------------|
| - Tiền học hàng tháng tại trường P: | 750.000đ |
| - Tiền học thêm chuyên môn: | 1.500.000đ |
| - Tiền học thêm ngoại ngữ: | 1.000.000đ |
| - Tiền ăn ở: | 1.500.000đ |
| - Tiền uống sữa: | 800.000đ |
| - Tiền thuốc đau ốm: | 450.000đ |
| - Áo quần và các khoản khác: | 500.000đ |

Đây là số tiền hàng tháng bà phải chi cho con.

Từ ngày 20/5/2014 đến ngày 20/4/2018 (48 tháng) cháu C học cấp I nên chi phí nuôi con hàng tháng là 6.500.000đ. Tuy nhiên, từ ngày 20/5/2018 đến ngày 20/4/2019 (11 tháng) cháu C học cấp II nên chi phí nuôi con tăng thêm là 6.650.000đ/1 tháng. Trong thời gian này, ông T đã chuyển khoản và nộp tiền học cho con, cho tiền mặt cho con tổng cộng là $55.500.000đ + 24.000.000đ = 79.500.000đ$

Như vậy, tổng số tiền nuôi con một mình bà bỏ ra trong suốt 59 tháng là:

$$(48 \text{ tháng} \times 6.500.000đ) + (11 \text{ tháng} \times 6.650.000đ) - 79.500.000đ = 305.650.000đ$$

Một mình bà vất vả nuôi con, phải thiếu thốn vay mượn. Bà đã rất nhiều lần đề nghị ông T thực hiện nghĩa vụ làm cha chu cấp cho con chung nhưng ông Trần Tích T không chịu thực hiện. Nay yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Tích T trả tiền nợ bà một mình nuôi con đến ngày 20/4/2019 với số tiền là 305.650.000đ và đề nghị được tiếp tục tính đến ngày xét xử và phải chu cấp hàng tháng cho con với số tiền 6.650.000đ/tháng.

* Tại phiên tòa và trong bản tự khai vào ngày 08/11/2019, bị đơn ông Trần Tích T trình bày như sau:

Ông và bà Đoàn Thị Thành N kết hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng tại K28/11 đường T, Đà Nẵng. Trong quá trình sống chung xảy ra mâu thuẫn, hay cãi vã nhau, giữa ông và gia đình vợ có mối quan hệ không tốt và ngược lại giữa vợ với gia đình chồng cũng hay xảy ra xích mích. Nhiều lúc vợ hay đem con bỏ đi về nhà cha mẹ hoặc đem con đi đâu không rõ lý do và cắt đứt hoàn toàn liên lạc với ông. Ông nhận thấy, vợ không làm tròn trách nhiệm một người phụ nữ trong gia đình. Từ năm 2011 đến nay, ông vì thương con nên cố gắng níu kéo chứ thực tế hôn nhân không có hạnh phúc.

Ngày 19/5/2014, vợ ông tự ý dẫn con ra khỏi nhà không rõ lý do, khi đi mang theo khoảng 800.000.000đ tiền mặt, toàn bộ nữ trang và chiếc xe máy Vespa biển số 43C1-035.22 trị giá 84.000.000đ. Ngày 22/12/2014, sau khi nhận tiếp của ông số tiền 185.000.000đ thì ký vào đơn thuận tình ly hôn, nhưng khi Tòa án giải quyết đơn thuận tình ly hôn thì vợ không đồng ý ký vào biên bản hòa giải, cố tình gây khó khăn trong việc ly hôn nên ông rút đơn thuận tình. Sau đó, ông nộp đơn đơn phương tại Tòa án quận Sơn Trà nhưng do thấy quá mệt mỏi nên cuối cùng ông cũng rút đơn. Từ đó đến nay, vợ chồng ông sống ly thân, việc ai người nấy làm nhưng vợ không cho gia đình gặp mặt con gái ông là Trần Kiên Bảo C.

Trong suốt thời gian ly thân, ông vẫn chủ động chu cấp cho con mỗi tháng 3.000.000đ và tặng quà, tiền mỗi dịp lễ tết và sinh nhật.

Qua việc giao nộp chứng cứ của bà N ông thấy yêu cầu của bà N hết sức vô lý, ông hoàn toàn không chấp nhận. Nay ông yêu cầu bà Đoàn Thị Thành N có trách nhiệm bồi hoàn và thanh toán cho ông số tiền 985.000.000đ.

Với nội dung trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 45/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, đã xử và quyết định:

Căn cứ Điều 107, 110, 116, 119 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 12, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc ông Trần Tích T phải trả cho bà Đoàn Thị Thành N số tiền nợ cấp dưỡng nuôi con tính đến ngày 20/10/2019 là 41.075.000đ (Bốn mươi một triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng nhận được đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị Thành N, kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung như sau: Không đồng ý kết quả xét xử của Bản án số 45/2019/HNGĐ-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà Đoàn Thị Thành N yêu cầu buộc ông Trần Tích T phải trả cho bà số tiền nợ cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 20/5/2014 đến ngày 20/10/2019 là 65 tháng, mỗi tháng 2.500.000 đồng, tổng cộng là 162.500.000 đồng, trừ đi số tiền ông T đã chuyển 79.500.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 83.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo, nguyên đơn, bà Đoàn Thị Thành N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không rút kháng cáo. Bị đơn, ông Trần Tích T

đồng ý với nội dung kháng cáo của bà N. Các đương sự thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, thỏa thuận với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Tích T và bà Đoàn Thị Thành N, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị Thành N là hợp lệ, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị Thành N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Đoàn Thị Thành N và ông Trần Tích T kết hôn vào năm 2005 có một con chung tên là Trần Kiến Bảo C, sinh ngày 08/4/2007. Do mâu thuẫn nên vợ chồng không sống chung với nhau từ ngày 20/5/2014 đến nay. Con chung Trần Kiến Bảo C do bà N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, mọi chi phí nuôi dưỡng con do bà N lo liệu, ông T có thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng không đầy đủ. Bà N khởi kiện yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng trong khoảng thời gian con học cấp I từ ngày 20/5/2014 đến ngày 20/4/2018 là 48 tháng, mỗi tháng là 6.500.000 đồng, trong khoảng thời gian con học cấp II từ ngày 20/5/2018 đến ngày 20/4/2019 là 11 tháng, mỗi tháng là 6.650.000 đồng/tháng. Trừ số tiền ông T đã cấp dưỡng là 79.500.000 đồng, số tiền còn lại phải cấp dưỡng là 305.650.000 đồng. Án sơ thẩm căn cứ quy định mức lương tối thiểu vùng áp dụng cho quận, huyện tại Đà Nẵng là 3.710.000 đồng làm cơ sở tính mức cấp dưỡng.

Xét thấy vợ chồng bà N và ông T mâu thuẫn với nhau từ năm 2011. Năm 2014 vợ chồng bà N, ông T đã có ý định thuận tình ly hôn và thỏa thuận ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng. Mặt khác, ông T cũng khẳng định trong thời gian bà N nuôi con ông cũng đã thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Điều đó phần nào đã thể hiện sự tự nguyện của ông T trong việc xác định mức cấp dưỡng nuôi con. Tại Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về mức cấp dưỡng nuôi con dựa trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của

người được cấp dưỡng. Bà N cũng xác định mức cấp dưỡng nuôi con chung của ông T mỗi tháng 2.500.000 đồng là đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Tích T đồng ý thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng như theo yêu cầu của bà Đoàn Thị Thành N. Xét thấy sự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con giữa ông Trần Tích T và bà Đoàn Thị Thành N là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Tích T và bà Đoàn Thị Thành N về mức cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Tích T thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung Trần Kiến Bảo C mỗi tháng 2.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 20/5/2014 đến ngày 20/10/2019 là 65 tháng, mỗi tháng 2.500.000 đồng, tổng cộng là 162.500.000 đồng, trừ số tiền ông Thành đã thực hiện việc cấp dưỡng là 79.500.000 đồng, số tiền còn lại phải cấp dưỡng là 83.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 107, 110, 116, 119 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Tích T và bà Đoàn Thị Thành N.
2. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 45/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ông Trần Tích T giao cho bà Đoàn Thị Thành N số tiền thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tính đến ngày 20/10/2019 là 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tự Sinh

